

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HSPT

Ngày: 11/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các thẩm phán: Ông Mã Văn Quân.

Bà Nông Biên Hòa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà
Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét
xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/ HSPT ngày 10 tháng
02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXPT-HS
ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam. Sinh ngày:
14/02/1980 tại Nguyễn H1, H, Cao Bằng.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch:
Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề
nghiệp: Cán bộ; Con ông: Hoàng Văn N, sinh năm 1937; Nghề nghiệp: Làm
ruộng. Con bà: Lục Thị S, sinh năm 1945; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Cùng cư trú
tại: xóm C, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con
thứ hai. Vợ: Vi Thị H2, sinh năm 1981; Nơi cư trú: xóm C, xã N, H, Cao Bằng;
có một con sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 12/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công
an tỉnh C, có mặt.

2. Hoàng Văn C (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày
26/6/1970 tại N, H, Cao Bằng.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc
tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề
nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Hoàng Văn C1, sinh năm 1938 (đã chết); Con bà:
Hoàng Thị R, sinh năm 1940 (đã chết). Gia đình có 09 chị em, bị cáo là con thứ
tư; Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm 1972; Con: Có hai con, con lớn sinh năm 1994,
con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/7/2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 34 tháng cải tạo không giam giữ tại Bản án số 79/2021/HSST về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam kể từ ngày 08/6/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Hoàng Thị H3 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 27/10/1971 tại: Hồ N, H, Cao Bằng.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Phố H, Thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: cán bộ; Con ông: Hoàng Đức T, sinh năm 1941; Con bà: Dương Thị Á, sinh năm 1950; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1962; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 12/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

4. Nguyễn Thị H4 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ. Sinh ngày 06/03/1991 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ; Con ông: Nguyễn Văn C2, sinh năm: 1962; Con bà: Hoàng Thị P, sinh năm: 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1987; Con: Có một con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2021 tại phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa:*

+ *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H:* Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (bào chữa theo quy định của pháp luật); có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C:* Bà Đinh Thị H5 - Luật sư văn phòng Luật sư Đinh Thị H5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C, Địa chỉ: SN G, tổ I, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo); có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị H3:* Bà Phùng Thị U' - Luật sư thuộc Văn phòng L Đoàn luật sư tỉnh C, địa chỉ: Số nhà D, tổ A, phường S, thành phố C (bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo); có mặt.

Trong vụ án này còn có 5 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm có: Hoàng Thu H6, Lưu Ngân S1, Nguyễn Thu H7, Lương Thị V, Hoàng Thị T2 không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị bản án nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H ban hành Quyết định số 4092/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020. Sau khi nhận được chỉ tiêu của năm 2020, ngày 16/3/2020, Hoàng Văn H - Chủ tịch UBND xã N ký Quyết định số 11 về việc thành lập Ban quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 tại xã N. Tháng 4/2020, Hoàng Văn H tổ chức họp Ban quản lý dự án được lồng ghép với cuộc họp giao ban của UBND xã N với sự tham gia của các thành viên Ban quản lý dự án, cán bộ công nhân viên chức của UBND xã N. Trong cuộc họp, Hoàng Văn H đã công bố danh sách, chức danh, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong Ban quản lý dự án gồm:

1. Hoàng Văn H - Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban có trách nhiệm: Phụ trách chung, chỉ đạo trực tiếp các thành viên trong ban là chủ tài khoản của UBND xã N, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban, chịu trách nhiệm chính với Lãnh đạo cấp trên.

2. Hoàng Văn C - Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Trưởng ban được giao trách nhiệm: Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc các thành viên trong Ban thực hiện dự án. Thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tiến độ thực hiện dự án, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về các công tác đã hướng dẫn, chỉ đạo các thành viên trong Ban;

3. Hoàng Thị H3 - Công chức Tài chính kế toán là thành viên, có nhiệm vụ: Lập dự toán và quyết toán vốn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Lập bản thuyết minh dự án, lập tờ trình thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện H thẩm định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế. Kiểm tra hồ sơ và các thủ tục thanh toán. Được phân công đi xóm C, xóm C để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

4. Nguyễn Thị H4 - Công chức Văn hóa xã hội là Phó Trưởng ban thường trực, có nhiệm vụ: Phụ trách lĩnh vực giảm nghèo, xây dựng các kế hoạch thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (mô hình nuôi trâu vỗ béo tại xóm B, L; mô hình trồng dong riềng), chuẩn bị các biểu mẫu để cho các hộ dân đăng ký nhu cầu theo tiêu chí. Được phân công đến xóm N, Lũng Cút để lấy ý kiến nhu cầu của người dân.

5. Lương Thị V - Công chức Địa chính xây dựng, nông nghiệp và môi trường là thành viên: Được phân công đi xóm N để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

6. Nguyễn Thu H7 - Công chức Văn phòng thống kê là thành viên được phân công đi xóm C, T để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

7. Hoàng Thu H6 - Công chức Văn phòng thống kê (thủ quỹ chung của đơn vị) là thành viên: Được phân công đi xóm Á Lại để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

8. Lưu Ngân S1 - Công chức Văn hóa xã hội là thành viên: Được phân công đi xóm L để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

9. Hoàng Thị T2 - Công chức Văn hóa xã hội là thành viên, được phân công đi xóm B để lấy ý kiến nhu cầu của các hộ dân.

Đến ngày 14/8/2020, UBND xã N lập tờ trình số 57/TTr-UBND và 57a/TTr-UBND về việc xin phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020. Ngày 16/9/2020, Ủy ban nhân dân huyện H ra Quyết định số: 2826/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2020 tại xã N cho hộ dân là đối tượng hộ nghèo, với tổng số vốn là 943.487.000 đồng, trong đó: Nhà nước hỗ trợ: 940.000.000 đồng, Nhân dân đóng góp: 3.487.000 đồng, hỗ trợ cho 433 hộ (tại 10 xóm) và được chia ra làm 2 tiểu dự án gồm: Dự án trồng trọt 1 có tổng số vốn là 449.497.000 đồng và Dự án trồng trọt 2 có tổng số vốn là 493.990.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án từ tháng 3/2020 đến 31/12/2020.

Khi được UBND huyện phê duyệt dự án, Hoàng Văn H giao quyền chỉ đạo cho Hoàng Văn C thực hiện toàn bộ dự án. Tuy nhiên, Hoàng Văn C không chỉ đạo các thành viên tổ chức hội nghị khảo sát, hội nghị tập huấn kỹ thuật cho người dân tham dự, mà chỉ đạo Hoàng Thị H3 lập không 06 (sáu) tập chứng từ bao gồm các phiếu chi số 130, 131, 135, 136, 137, 138 vào ngày 30/12/2020 với tổng số tiền là 57.500.000đ (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Hoàng Thị H3 ký xác nhận vào phần người lập, phụ trách kế toán và trình Hoàng Văn H ký xác nhận Chủ tịch UBND xã, sau đó đưa cho thủ quỹ là Hoàng Thu H6 ký, Nguyễn Thị H4 là người nhận tiền. Đồng thời, H3 lập 06 tập chứng từ phiếu chi số 130, 131, 135, 136, 137, 138 trên phần mềm dịch vụ công, Hoàng Văn H ký xác nhận vào các tập phiếu chi thông qua chữ ký số rồi đẩy lên dịch vụ công cho Kho bạc kiểm tra. Đến ngày 31/12/2020, Kho bạc huyện H duyệt chi số tiền 06 phiếu chi. Hoàng Thu H6 là thủ quỹ trực tiếp đi rút tiền mặt tại Kho bạc và nhập vào quỹ đơn vị.

Ngày 04/02/2021, Hoàng Thị H3 sang phòng làm việc của Hoàng Văn C để xin ý kiến về số tiền Ban quản lý dự án trong đó có số tiền lập không nói trên. Hoàng Văn C chỉ đạo đem chi cho các thành viên trong Ban, các Lãnh đạo xã và Bí thư -Trưởng xóm của 09 thôn xóm có hộ dân tham gia dự án. Cùng ngày, Hoàng Văn C gọi các thành viên trong Ban quản lý dự án (gồm 08 người, trừ Hoàng Văn H) đến phòng làm việc của C để họp, thống nhất việc chia tiền Dự án. Tại cuộc họp Hoàng Thị H3 công khai tài chính về chi phí Ban quản lý dự án (trong đó có phần tiền lập không các phiếu chi do không tổ chức các hội nghị) và Hoàng Văn C nói ai làm nhiều hơn thì sẽ được chia tiền nhiều hơn. Các thành viên còn lại trong Ban nhất trí và không có ý kiến gì thêm. Sau cuộc họp, C chỉ đạo H3 lập 03 danh sách chi tiền cho:

+ Lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã N (gồm 06 người, trong đó có Hoàng Văn H), mỗi người được nhận 1.000.000đ (Một triệu đồng);

+ 09 Bí thư kiêm Trưởng xóm của xã N mỗi người được nhận 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

+ Các thành viên trong Ban quản lý dự án gồm 08 người, được nhận số tiền cụ thể như sau: Hoàng Thị H3, Hoàng Văn C, Nguyễn Thị H4 mỗi người được nhận 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Lưu Ngân S1, Hoàng Thu H6, Nguyễn Thu H7, Lương Thị V, Hoàng Thị T2 mỗi người được nhận 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) còn lại, Nguyễn Thị H4 đưa cho Hoàng Thị H3 để đi quan hệ cấp trên, cụ thể là H3 đã đưa cho Nguyễn Thị Q1 là Cán bộ phòng tài chính, kế hoạch huyện H 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để phê duyệt thẩm định dự án, còn 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mua miến làm quà cho Kho bạc huyện H.

Các bản Danh sách chi tiền này Hoàng Văn C đã ký tên xác nhận phân lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã N. Nguyễn Thị H4 là người trực tiếp nhận tiền từ thủ quỹ Hoàng Thu H6 theo chỉ đạo của Hoàng Văn C rồi đem số tiền đã lập không nói trên đem chia cho các cá nhân theo danh sách mà Hoàng Thị H3 đã lập.

Đến nay các bị cáo và 05 thành viên ban quản lý dự án đã chủ động nộp lại số tiền đã nhận để nộp cho Ban dân tộc tỉnh C là 25.400.000,đ (theo Quyết định thu hồi tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra số 1121 ngày 29/12/2021 của Ban dân tộc tỉnh C);

Ngày 04/9/2022 gia đình bị cáo Hoàng Văn H đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000,đ (Một triệu đồng); Các bị cáo Hoàng Thị H3, Hoàng Văn C, Nguyễn Thị H4 đã tự nguyện nộp mỗi bị cáo là 10.000.000,đ (Mười triệu đồng); Đồng thời năm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nộp lại toàn bộ số tiền 24.300.000đ tại Cơ quan điều tra.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C; Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 đã phạm vào tội Tham ô tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HSST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4, Hoàng Văn C phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015

Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 7 (B) năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 8 (T3) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 79/2021/HSST ngày 09/7/2021 về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356 BLHS), Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 34 tháng cải tạo không giam giữ. Tính đến ngày bị bắt (08/6/2022) bị cáo đã thụ hình án là

224 ngày tính quy đổi là 75 ngày. Nay còn phải tiếp tục thụ hình án theo quy đổi là 8 tháng 25 ngày tù. Buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 8 năm 8 tháng 25 ngày tù.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H3 7 (Bảy) năm 6 (S2) tháng tù.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H4 5 (Năm) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn quy định, các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 đều kháng cáo với lý do Tòa án sơ thẩm xử phạt các bị cáo quá nghiêm khắc, các bị cáo đều đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Tại bản án sơ thẩm số: 01/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 đã xét xử các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền tham ô nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điều luật và hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Hoàng Văn H: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b; s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điều 17; khoản 1 điều 54; điều 58; điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù;

- Hoàng Văn C: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b; s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điều 17; khoản 1 điều 54; Điều 56; điều 58; điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù; Tổng hợp hình phạt cả hai bản án bị cáo C phải chấp hành theo quy định;

- Hoàng Thị H3: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b; s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H3 từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù;

- Nguyễn Thị H4: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b; n; s; t khoản 1; khoản 2 Điều 51; điều 17; khoản 1 điều 54; điều 58; điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H4 từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 điều 357 BLTTHS. Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo Hoàng Văn H;

Hoàng Văn C; Hoàng Thị H3; Nguyễn Thị H4, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng về hình phạt.

+ Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa sơ thẩm áp dụng, cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự và điểm d mục 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ để giảm hình phạt cho bị cáo Hoàng Văn H;

+ Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng, số tiền sai phạm các bị cáo đã khắc phục toàn bộ nên cần áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 51 BLHS (Phạm tội gây thiệt hại không lớn); Điểm v khoản 1 điều 51 BLHS (Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc...); và Điều 54 Bộ luật hình sự; Điểm d mục 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC để giảm hình phạt cho bị cáo Hoàng Văn C;

+ Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị H3 đề nghị xem xét áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 51 BLHS (Phạm tội gây thiệt hại không lớn) và Điều 54 Bộ luật hình sự; điểm d mục 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thẩm phán để giảm hình phạt cho bị cáo Hoàng Thị H3;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng chấp nhận áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo Hoàng Văn C; Chấp nhận áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Thị H4; Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 cho cả bốn bị cáo;

Không chấp nhận quan điểm của người bào chữa áp dụng điểm h, v khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Hoàng Văn C và điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Hoàng Thị H3 vì không có căn cứ.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của cả bốn bị cáo, giảm hình phạt cho mỗi bị cáo từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù so với quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, cả bốn bị cáo đều ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội và mong giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trong thời hạn luật định và phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự nên kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt;

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có căn cứ để khẳng định: Trong quá trình thực hiện dự án Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 vào năm 2020, các bị cáo Hoàng Văn C; Hoàng Văn H; Hoàng Thị H3; Nguyễn Thị H4 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập khống chứng từ tổ chức Hội nghị tập huấn nhằm chiếm đoạt số tiền 57.500.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), trong quá trình thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thuộc Chương trình 135 tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quyền lợi của người nông dân và trái quy định của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 là đồng phạm với nhau, mục đích để chiếm đoạt số tiền của dự án. Xét thấy hậu quả của tội phạm là rất nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần xử phạt nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian nhất định, đồng thời nhằm tuyên truyền pháp luật trong cán bộ Đảng viên và các cơ quan, tổ chức nói chung.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2023/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã xét xử các bị cáo về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Về vai trò của của các bị cáo trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có căn cứ quyết định hình phạt từng bị cáo là đúng quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo xin nhẹ giảm hình của các bị cáo: HĐXX thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, cần xử phạt nghiêm khắc, Tuy nhiên các bị cáo phạm tội với số tiền không lớn (57.500.000đ). Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng; Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, số tiền tham ô không lớn (bị cáo H3 và H4 mỗi người 6.500.000đ; Bị cáo H 1.000.000đ). Trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả, nên cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn C có nhân thân xấu: Bản án số 79/2021/HSST ngày 09/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã xử phạt 34 tháng cải tạo không giam giữ về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chưa thành khẩn khai báo, nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc

thâm bị cáo đã thành khẩn nhận tội nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo; Số tiền chiếm đoạt là 6.500.000đ (đã khắc phục toàn bộ) nên có căn cứ để áp dụng Điều 54 BLHS giảm hình phạt cho bị cáo C. Đối với phần hình phạt của bị cáo Hoàng Văn C: Tại bản án số 79/2021/HSST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 34 tháng cải tạo không giam giữ về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời gian chấp hành án của bản án trước (đã được quy đổi) còn lại là 8 tháng 25 ngày tạm giam để tổng hợp với hình phạt về tội Tham ô tài sản theo điều 56 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Nguyễn Thị H4, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Kết quả siêu âm ngày 07/12/2022: *Bị cáo Nguyễn Thị H4 đang mang thai được 12 tuần 02 ngày*, (ngày 05/01/2023 mới xét xử sơ thẩm) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự *Người phạm tội là phụ nữ có thai* để giảm hình phạt cho bị cáo H4 là thiếu sót.

Tuy các bị cáo không cung cấp thêm được chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H4; đồng thời chưa áp dụng Nghị quyết số 03/2020 ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ tại điểm d tiểu mục 3 Điều 5 của Nghị quyết nêu trên thì *“Xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt đối với người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự hoặc người phạm tội lần đầu...”*.

Các bị cáo H, C, H3, H4 có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS trở lên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền tham ô nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử giảm hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, có Hoàng Thu H6, Lương Thị V, Lưu Ngân S1, Nguyễn Thu H7, Hoàng Thị T2 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được chia số tiền lập không chứng từ, (mỗi người được 4.860.000,đồng). Tuy nhiên, khi ký nhận tiền các thành viên này chỉ được nghe giải thích là tiền chi cho Ban quản lý Dự án, nhưng không biết việc C chỉ đạo H3 lập không các chứng từ, phiếu chi tiền ăn các hội nghị tập huấn mà có, do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với những người khác là lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã N và 09 Bí thư kiêm trưởng xóm cũng được nhận tiền 300.000đ mỗi người (theo danh sách) do bị cáo Hoàng Văn C chỉ đạo Hoàng Thị H3 lập danh sách chia tiền. Tuy nhiên những người nói trên đều không biết số tiền do lập không các chứng từ mà có; Do đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Q1 là cán bộ Phòng tài chính kế hoạch huyện H, theo bị cáo Hoàng Thị H3 khai đã đưa cho Q1 số tiền 3.000.000 đồng trong khi làm

các thủ tục của dự án. Qua điều tra, xác minh không đủ căn cứ để khẳng định Q1 đã nhận số tiền nói trên như H3 đã khai. Xác minh tại Kho bạc Nhà nước huyện H thì xác định không có việc bị cáo H3 đem bao miễn dong đến trụ sở Kho bạc để gửi làm quà biếu như bị cáo đã khai báo. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, giảm hình phạt cho bốn bị cáo là có căn cứ;

[7] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bốn bị cáo; Chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC để xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt và tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

[8] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo C, H3, H4 được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Hoàng Văn H được miễn án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3 và Nguyễn Thị H4. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2023/HS-ST ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng về phần hình phạt.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn H, Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 4 năm 6 tháng tù (*Bốn năm sáu tháng*). Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2022.

2.2. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; điểm b khoản 1 Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 5 (Năm) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 79/2021/HSST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 34 tháng cải tạo không giam giữ về Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, thời gian tù còn lại là 8 tháng 25 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 năm 8 tháng 25 ngày tù.

(Năm năm tám tháng hai mươi lăm ngày). Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam 08/6/2022.

2.3. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H3 4 năm 06 tháng tù (*Bốn năm sáu tháng*). Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2022.

2.4. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 353; điểm b, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 - Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H4 3 năm 6 tháng tù (*Ba năm sáu tháng*). Thời gian chấp hành án được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án.

(Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao để giảm hình phạt cho cả bốn bị cáo).

3. Về án phí:

+ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Thị H3, Nguyễn Thị H4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được Tòa án chấp nhận.

(*Xác nhận bị cáo Hoàng Văn C đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ tại Biên lai số 0003619 ngày 05/01/2023 của Chi cục THADS huyện H, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo Hoàng Văn C đã nộp đủ án phí*).

+ Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vướng mắc trong công tác xét xử (Tại mục 6 phần II). Bị cáo Hoàng Văn H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự theo quy định .

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- VKSND huyện Hòa An;
- Công an huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòa An;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hà Quảng;
- UBKT huyện ủy huyện Hòa An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ

- Trại tạm giam; Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã Nguyễn Huệ;
- Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Hình sự.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- Công an huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòa An;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hà Quảng;
- Trại tạm giam; Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- UBND xã Nguyễn Huệ;
- Huyện ủy Hòa An;
- Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ